

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST
Ngày 21-3 -2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Huân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Thùng Văn Liên** và ông **Lò Văn Tuấn**

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Sao**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông **Lê Thành Công**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Văn M, sinh năm 1979, tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tên gọi khác: **Đỗ Văn M**.

Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

Chỗ ở hiện nay: Bản N 3, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 4/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: **Đỗ Văn S**, sinh năm 1933; Con bà: **Nguyễn Thị N**, đã chết.

Bị cáo có vợ **Đàm Thị B**, đã chết và 02 con, con lớn nhất 17 tuổi, con nhỏ nhất 14 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/12/2018 đến ngày 11/12/2018 được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 21/02/2019, bị cáo tiếp tục bị bắt tạm giam về tội phạm khác. Bị cáo tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ma A K, sinh năm 1993, địa chỉ bản H 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.
2. Tống Văn T, sinh năm 1988, địa chỉ bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 20 ngày 04/12/2018, Đỗ Văn M đang ở nhà tại bản N 3, xã N, huyện N thì nhận được tin nhắn từ số thuê bao 0337559632 của Tống Văn T, sinh năm 1988, trú tại bản N 1, xã N, huyện N với nội dung ghi cho T hai số lô 20, 86, mỗi số lô ghi 20 điểm mỗi điểm lô là 23.000 đồng, tổng cộng 40 điểm lô, thành tiền là 920.000 đồng. Sau khi đọc tin nhắn, bị cáo dùng số thuê bao 0868303003 nhắn tin đến số thuê bao 0337559632 của T với nội dung “OK” để xác nhận đã ghi cho T rồi xóa toàn bộ tin nhắn trong điện thoại. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Ma A K, sinh năm 1993, trú tại bản H 2, xã N, huyện N dùng số thuê bao 0949418538 gọi cho bị cáo hỏi xem bị cáo có ghi lô đề không thì K gặp bị cáo để chuyển giấy ghi lô đề.

Khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày, K gặp bị cáo tại khu chuồng lợn của bị cáo ở bản N 1, xã N đồng thời K đưa cho M một mảnh giấy ghi số lô, số đề và nói M ghi cho K bốn số lô là 30, 49, 63, 98 mỗi số lô ghi 50 điểm, thành tiền là 4.600.000 đồng. Bị cáo cất tờ giấy của K cho vào túi quần sau bên trái. Sau đó K đưa cho bị cáo 6.000.000 đồng nhưng bị cáo chưa cầm, khi nào có kết quả xổ số Miền Bắc thì thanh toán luôn. Khi bị cáo M và K đang giao dịch thì tổ Công tác Công an huyện N và Công an xã N đã phát hiện và lập biên bản vụ việc đối với hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi số lô, số đề và thu giữ vật chứng của bị cáo M và K.

Cáo trạng số 16/CT-VKSNP ngày 27/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Đỗ Văn M về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt tiền đối với bị cáo Đỗ Văn M từ 20 triệu đến 22 triệu đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Tại biên bản vụ việc hồi 17 giờ 35 phút ngày 04/12/2018 của Công an huyện N bút lục 01 đến 02, người vi phạm Đỗ Văn M khai và công nhận hồi 15 giờ ngày 04/12/2018 bị cáo đã ghi các số lô 86, 20 cho Tống Văn T với tổng số tiền 920.000 đồng. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo ghi các số lô 30, 49, 98, 63 cho Ma A K với tổng số tiền 4.600.000 đồng. Lời khai của Ma A K tại biên bản vụ việc trên phù hợp với lời khai của bị cáo Đỗ Văn M.

Tại biên bản kiểm tra điện thoại hồi 20 giờ 40 phút ngày 04/12/2018 của Công an huyện N bút lục số 13 về việc kiểm tra chiếc điện thoại của Tống Văn T số thuê bao 0337559632. Sau khi kiểm tra điện thoại phát hiện có một tin nhắn từ số thuê bao của Tống Văn T đến số thuê bao 0868303033 lúc 08 giờ 30 phút ngày 04/12/2018 với nội dung "20 = 20 điểm + 86 = 20 điểm". Đồng thời có một tin nhắn từ số thuê bao 0868303033 đến số thuê bao 0337559632 của Tống Văn T lúc 15 giờ 20 phút ngày 04/12/2018 với nội dung "Ok". Chứng cứ chứng minh Tống Văn T và bị cáo Đỗ Văn M ghi số lô bằng tin nhắn điện thoại.

Các biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can của Đỗ Văn M từ bút lục số 102 đến 115 chứng minh bị cáo Đỗ Văn M đã ghi số lô cho hai đối tượng Ma A K và Tống Văn T với tổng số tiền 5.520.000 đồng.

Các biên bản ghi lời khai của Ma A K từ bút lục 72 đến 77; biên bản ghi lời khai của Tống Văn T từ bút lục 85 đến 88 chứng minh bị cáo Đỗ Văn M ghi số lô cho Ma A K với tổng số tiền 4.600.000 đồng và ghi số lô cho Tống Văn T với tổng

số tiền 920.000 đồng. Lời khai của Ma A K, Tống Văn T phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản Kết luận điều tra số 16/KLĐT ngày 10/02/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tại các bút lục từ 116 đến 119 kết luận chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án và bản Kết luận điều tra vụ án hình sự đến Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị truy tố bị can Đỗ Văn M về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Đỗ Văn M có tội. Bị cáo đã thực hiện hành vi của mình bằng việc ghi các con số có hai chữ số để so sánh với kết quả xổ số trúng thưởng. Việc ghi các con số được thực hiện người được ghi trả tiền cho bị cáo, trường hợp họ trúng thưởng thì bị cáo trả thưởng bằng tiền cho họ. Mục đích của bị cáo và những người được ghi số lô đều nhằm kiếm lời. Các hình thức ghi số lô để đối chiếu với kết quả xổ số trúng thưởng của bị cáo không được công nhận là một hình thức hứa thưởng, thì có giải và bị pháp luật nghiêm cấm. Những người mua số lô, số đề của bị cáo đều thể hiện việc sát phạt nhau được thua bằng tiền, gây nên tâm lý thắng thua, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nói riêng, an toàn trật tự xã hội nói chung. Chính vì vậy, cần phải xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với bị cáo, nhằm đấu tranh ngăn chặn tệ nạn đánh bạc trong xã hội và giữ gìn trật tự công cộng. Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" được quy định tại Điều 321 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đỗ Văn M có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội:

Tổng số tiền bị cáo bán số lô cho Ma A K và Tống Văn T mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N chứng minh được là 5.520.000 đồng. Trị giá số tiền bị cáo đánh bạc ở trong khoảng từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Với giá trị này thì tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng thuộc quy định tại khoản 1 của Điều 321/BLHS có khung hình phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[4] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo sinh ra và lớn lên ở xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Bản thân bị cáo không có việc làm ổn định, thường xuyên quan hệ với các đối tượng cờ bạc tại địa phương. Đây là nguyên nhân chính để bị cáo phạm tội và phải nhận một bản án không đáng có trong đời.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo chưa bị Tòa án xét xử do vậy lần phạm tội này bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là cơ sở để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền bị cáo đánh bạc không nhiều, việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đồng thời cũng là cơ hội để bị cáo sửa chữa lỗi lầm, sống có ích cho gia đình và xã hội. Hội đồng xét xử xem xét để ấn định mức phạt tiền đối với bị cáo Đỗ Văn M.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Đỗ Văn M.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với các đối tượng Ma A K, Tống Văn T ghi số lô của bị cáo Đỗ Văn M do số tiền ghi lô chưa đủ giá trị để truy cứu trách nhiệm hình sự. Hơn nữa so sánh kết quả xổ số mở thưởng ngày 04/12/2019 không có số trúng thưởng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng này. Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Vật chứng là một mảnh giấy ghi lô đề thu giữ tại biên bản vụ việc hồi 17 giờ 35 phút ngày 04/12/2018 của Công an huyện N. Đây là phương tiện phạm tội của bị cáo do vậy vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là chiếc điện thoại thu giữ của Đỗ Văn M và một chiếc điện thoại thu giữ của Tống Văn T là phương tiện bị cáo và Tống Văn T sử dụng vào việc phạm tội. Vật chứng được hóa giá để sung ngân sách Nhà nước.

Vật chứng là số tiền 5.520.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ tại biên bản vụ việc hồi 17 giờ 35 phút ngày 04/12/2018 của Công an huyện N. Vật chứng này chứng minh được là tiền đánh bạc do vậy tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Số tiền 1.400.000 đồng thu giữ của Ma A K không chứng minh được là tiền đánh bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho Ma A K theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Đỗ Văn M (Tên gọi khác Đỗ Văn M) phạm tội "**Đánh bạc**".**

- Phạt bị cáo **Đỗ Văn M** (Đỗ Văn M) số tiền **20.000.000** đồng (Hai mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 mảnh giấy ghi lô đề được niêm phong trong phong bì thư được dán kín có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 09 giờ 30 phút ngày 28/02/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

+ Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại thu giữ của Đỗ Văn M và 01 chiếc điện thoại thu giữ của Tống Văn T. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước tổng số tiền 5.520.000 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Điện thoại và tiền được đựng trong các phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 09 giờ 30 phút ngày 28/02/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

+ Chấp nhận biên bản trả lại tài sản hồi 09 giờ 00 phút ngày 05/12/2018 của Công an huyện N trả tài sản cho Ma A K.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án; anh K, anh T được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 21/3/2019.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu.

Nguyễn Mạnh Huân

HỘI THẨM	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	HỘI THẨM
-----------------	--	-----------------

Thùng Văn Liên

Nguyễn Mạnh Huấn

Lò Văn Tuấn

